TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 19

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 285, chữ số 2 có giá trị là:

A. 20 **B.** 2 **C.** 200 **D.** 285

Câu 2. Phép chia 51 : 5 có số dư là:

A. 10 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 1

Câu 3. Số lớn là 63, số bé là 9. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 54 lần **B.** 7 lần **C.** 8 lần **D.** 72 lần

Câu 4. Một phần tư (1/4) của 36 quả cam là:

A. 144 quả cam **B.** 32 quả cam **C.** 9 quả cam **D.** 11 quả cam

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 7 m = …… dm

A. 700 **B.** 70 **C.** 7000 **D.** 7

Câu 6. M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Biết AB = 16 dm, độ dài đoạn AM là:

A. 32 dm **B.** 14 dm **C.** 8 dm **D.** 16 dm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức:

a) 145 + 42 × 3 = ……

b) 145 − 40 : 8 = ……

c) (103 + 42) × 3 = ……

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6, 9, ……, 15, ……, 21

b) 365, 375, 385, ……, 405, ……

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 5 × 5 …… 22

b) 1 m …… 99 cm

c) 7 m 1 cm …… 691 cm

d) 1/4 của 16 …… 1/6 của 54

Bài 4. Tính:

a) 285 g + 163 g = ……. g

b) 662 ml − 215 ml = ……. ml

c) 136 mm × 3 = ……. mm

d) 156 kg : 6 = ……. kg

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m = ……. cm

b) 3 m = ……. dm

c) 7 cm = ……. mm

d) 4 dm 9 cm = ……. cm

Bài 6. Một sợi dây dài 18 m được cắt thành 3 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

a) Trả lời: Mỗi đoạn dài ……. m

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 19

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	B	C	B	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 145 + 42 × 3 = 145 + 126 = 271

b) 145 − 40 : 8 = 145 − 5 = 140

c) (103 + 42) × 3 = 145 × 3 = 435

Bài 2.

a) Đếm thêm 3: 6, 9, 12, 15, 18, 21

b) Mỗi số hơn số trước 10 đơn vị: 365, 375, 385, 395, 405, 415

Bài 3.

a) 5 × 5 = 25 nên điền dấu «>»

b) 1 m = 100 cm nên điền dấu «>»

c) 7 m 1 cm = 701 cm nên điền dấu «>»

d) 1/4 của 16 là 4; 1/6 của 54 là 9 nên điền dấu «<»

Bài 4.

a) 448 g

b) 447 ml

c) 408 mm

d) 26 kg

Bài 5.

a) 2 m = 200 cm (vì 1 m = 100 cm)

b) 3 m = 30 dm (vì 1 m = 10 dm)

c) 7 cm = 70 mm (vì 1 cm = 10 mm)

d) 4 dm 9 cm = 49 cm (vì 1 dm = 10 cm)

Bài 6.

18 : 3 = 6 (m)